

Số: 44/2024/QĐST-HNGĐ

KL, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố NB, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn VB**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố NB, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị N và ông Nguyễn VB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn VB thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 03 người con chung là Nguyễn Thị TH, sinh ngày 17/6/2006, Nguyễn Thị TH1, sinh ngày 24/10/2007 và Nguyễn VD, sinh ngày 10/3/2015. Ông, bà thoả thuận: Giao cả 03 người con chung là Nguyễn Thị TH, Nguyễn Thị TH1 và Nguyễn VD cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của cả 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Bảo cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, bà N tự nguyện nộp toàn bộ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0001847 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Số tiền còn thừa bà N được nhận lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- UBND thị trấn Kiên Lương, H. Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuỷ